

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2019/HC-ST

Ngày: 08/7/2019

V/v: Khiếu kiện quyết định
thu hồi đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Đăng Huy**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Khóa;**

2. Bà **Dương Thị Kim Hồng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thùy Linh** là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Thanh Huế** – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 6 và 08 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 52/2018/TLST-HC ngày 03/12/2018 về khiếu kiện quyết định thu hồi đất theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 26/2019/QĐXXST-HC ngày 22/5/2019 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* Ông **Lương Đức K**, sinh năm 1953;

Địa chỉ cư trú: Thôn X, xã Đ, huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Bà **Nguyễn Thị H** – Luật sư thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội.

2. *Người bị kiện:*

- UBND huyện G, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương
- Ông Trịnh Ngọc Thành.

- Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương - Ông Trịnh Ngọc T.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND huyện G: Phó Chủ tịch UBND huyện G, tỉnh Hải Dương – Ông **Nguyễn Văn C** (theo văn bản ủy quyền số -2/GUQ-CT ngày 04/4/2019).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện là ông Lương Đức K trình bày:

Liệt sỹ Nguyễn Đăng L là cậu ruột của ông K. Ông K ở với mẹ của liệt sỹ. Trước đây ông K là người thờ cúng liệt sỹ nhưng khoảng năm 2002 ông K đã chuyển giao việc thờ cúng liệt sỹ Nguyễn Đăng L cho cháu họ nội của liệt sỹ là ông Nguyễn Năng T. Ông T cũng xác định diện tích đất thờ cúng liệt đã được giao cho ông K và cấp GCNQSDĐ mang tên ông K, ông T không có yêu cầu hay ý kiến gì.

Năm 1993 ông K được Nhà nước giao ruộng canh tác theo Chủ trương của Ban Thường vụ tỉnh Hải Dương tại Nghị quyết số 03/NQ-TW ngày 28/4/1992 (hay còn gọi là đất 03). Do gia đình có thân nhân là liệt sỹ nên ngoài diện tích ruộng được giao theo tiêu chuẩn, ông còn được giao thêm 60m². Khi giao 60m² đất này thì không đo đạc riêng mà giao chung trong 420m² đất 03, thửa số 226/7, tờ bản đồ số 1A xứ đồng M, xã Đ với mục đích để cấy hoặc làm dịch vụ để lấy kinh phí hương khói cho liệt sỹ. Thời hạn sử dụng đất là 20 năm từ ngày 15/10/1993, cụ thể đến ngày 15/10/2013 là hết. Diện tích đất thờ cúng liệt sỹ là đất loại I, đất tốt, vị trí đẹp, gần đường cái, thuận tiện cho việc canh tác và không phải nộp thuế. Ngoài chế độ ưu tiên 60m² đất, khi thờ cúng liệt sỹ ông K được hưởng tiền thờ cúng liệt sỹ hằng tháng và quà thăm hỏi lễ tết. Sau khi chuyển giao cho người khác thờ cúng liệt sỹ thì ông K không được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ nữa.

Ngày 31/12/1998, ông K được UBND huyện G cấp GCNQSDĐ đất canh tác, trong đó bao gồm cả 60m² đất hương khói liệt sỹ nằm trong 420m² đất tại thửa 226/7, tờ bản đồ số 1A.

Ngày 22/01/2002 UBND tỉnh Hải Dương ban hành quyết định thu hồi đất cho công ty S và công ty D thuê đất, trong đó bao gồm 60m² đất giao riêng để thờ cúng liệt sỹ.

Năm 2004 Hội đồng bồi thường giải phóng mặt bằng của huyện G thực hiện việc chi trả tiền đền bù khi thu hồi đất nhưng 60m² đất thờ cúng liệt sỹ chỉ được đền bù theo giá bằng giá đất canh tác. Ông K đã nhận tiền đền bù.

Sau đó ông K khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện G thì nhận được quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G với nội dung không chấp nhận khiếu nại.

Ông K cho rằng đất của ông là đất thờ cúng liệt sỹ nên khi thu hồi chỉ bồi thường theo giá đất 03 là không đúng nên ông yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G;

- Buộc UBND huyện G trả lại cho ông K 60m² đất thờ cúng liệt sỹ của gia đình, nếu không trả lại đất thì phải bồi thường bằng tiền theo giá 7.000.000đ/m² hoặc giá thị trường đối với loại đất ở.

Kèm theo đơn khởi kiện, ông K đã cung cấp các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện.

Theo bản giải trình về yêu cầu khởi kiện, đại diện theo ủy quyền của người bị kiện là Phó Chủ tịch UBND huyện G trình bày:

Thực hiện Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 17/9/1992 của UBND tỉnh Hải Hưng; Quyết định 235/QĐ-UBND ngày 25/9/1993 của UBND tỉnh Hải Hưng; Hướng dẫn số 31 ngày 25/02/1993 của Sở Nông nghiệp nên năm 1993 UBND xã Đ tổ chức chia ruộng đất ổn định cho các hộ gia đình trên địa bàn xã, trong đó có đất hương khói cho các hộ gia đình là thân nhân liệt sỹ.

Hộ ông K được giao đất hương khói với diện tích 60m² trong 420m² đất tiêu chuẩn 03 tại thửa 226/7, tờ bản đồ số 1A xã Đ và đã được cấp GCNQSDĐ, 60m² đất hương khói là loại đất nông nghiệp.

Năm 2002 nhà nước thu hồi đất cho công ty S thuê đất. Việc bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng cho cá nhân, hộ gia đình có đất thu hồi được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai 1993 và các văn bản hướng dẫn thi hành nên người được Nhà nước giao đất sử dụng vào mục đích nào thì khi Nhà nước thu hồi đất được đền bù bằng cách giao đất có cùng mục đích sử dụng để thay thế hoặc đền bù bằng tiền theo giá đất cùng mục đích sử dụng. 60m² đất hương khói của ông K được bồi thường, hỗ trợ theo đúng nguồn gốc và quy định của pháp luật và ông K đã bàn giao mặt bằng cho chủ đầu tư từ năm 2002.

Năm 2008 nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu công nghiệp Đ – L có thu hồi diện tích đất thuê của Công ty S. Các hộ gia đình, cá nhân có đất nông nghiệp đã bàn giao cho Công ty S từ năm 2002 cũng được hưởng chính sách hỗ trợ đất dịch vụ 5%. Đối với diện tích 60m² đất hương khói của hộ ông K cũng được hưởng chính sách hỗ trợ đất dịch vụ 5%.

Do đó Chủ tịch UBND huyện G không chấp nhận khiếu nại của ông K. Đến nay ông K khởi kiện đến TAND tỉnh Hải Dương, UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G đều không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K.

UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G đã cung cấp toàn bộ tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại để các đương sự thống nhất với nhau về việc giải quyết vụ án. Tuy nhiên người đại diện hợp pháp của người bị kiện đề nghị vắng mặt nên không đối thoại được, Tòa án mở phiên tòa để xem xét giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa:

- Ông K và người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông K là bà H đều xác định ông K giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền lợi cho ông K.

- Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm là không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân thủ pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán cơ bản tuân theo đúng quy định của Luật Tố tụng hành chính. Tại phiên tòa HĐXX, Thư ký và những người tham gia tố tụng tại phiên tòa đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông K, miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm vụ án hành chính thấy:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền thụ lý và giải quyết:

Do không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, ông K đã khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện G.

Ngày 30/10/2018 Chủ tịch UBND huyện G có Quyết định 4000/QĐ-UBND với nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông K.

Do không đồng ý với quyết định 4000 nên ngày 20/11/2018 ông K có đơn khởi kiện, yêu cầu TAND tỉnh Hải Dương hủy Quyết định 4000, buộc UBND huyện G trả lại 60m² đất thờ cúng liệt sỹ hoặc bồi thường theo giá thỏa thuận là trong thời hạn khởi kiện quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116 LTTHC.

Quyết định 4000 là quyết định giải quyết khiếu nại; hành vi không trả lại đất và hành vi bồi thường không đúng quy định là quyết định hành chính, hành vi hành chính thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai nên khiếu kiện quyết định, hành vi này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 LTTHC.

Vì vậy TAND tỉnh Hải Dương đã thụ lý và đưa ra giải quyết vụ án hành chính là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 32 LTTHC.

[2] Về việc xác định người bị kiện:

Trong đơn khởi kiện, ông K xác định người bị kiện là UBND huyện G tuy nhiên yêu cầu khởi kiện của ông K liên quan đến UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, Thẩm phán đã giải thích cho ông K cùng người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K về việc xác định người bị kiện nhưng ông K vẫn chỉ khởi kiện UBND huyện G. Do đó HĐXX xác định người bị kiện gồm UBND huyện G và Chủ tịch UBND huyện G theo đúng quy định của pháp luật. Việc xác định lại người bị kiện chỉ bổ sung thêm địa vị tố tụng của Chủ tịch UBND huyện G, không làm thay đổi nội dung vụ án nên HĐXX vẫn tiếp tục xét xử.

Về nội dung:

[3] Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G về việc giải quyết khiếu nại của ông Lương Đức K được ban hành theo đúng trình tự, thủ tục của pháp luật và thể hiện cơ bản đúng thể thức văn bản.

[4] Về nguồn gốc đất và loại đất:

Căn cứ vào khoản 2c Điều 2 Quyết định 721 ngày 17/9/1992 của UBND tỉnh Hải Hưng thì: "Những đối tượng phát sinh sau Khoản 10 được xem xét, giải quyết: Các liệt sỹ mới phát sinh được giải quyết đất hương khói. Với mức độ như đối với đất làm kinh tế gia đình.". Trên cơ sở đó ngày 25/02/1993 UBND tỉnh Hải Dương có Quyết định 235 về việc giao đất ổn định, lâu dài cho người dân và Sở Nông nghiệp tỉnh Hải Hưng có hướng dẫn số 31 cụ thể hóa nội dung 2 văn bản trên, hướng dẫn cụ thể tại điểm b, mục 1, phần II như sau:

"Quỹ đất giao cho nông dân bao gồm: Toàn bộ đất canh tác ngoài đồng HTX đang quản lý giao khoán cho nông dân theo các loại đất vòng 1, vòng 2, đất đấu thầu, cho mượn và toàn bộ đất kinh tế gia đình HTX giao cho xã viên sử dụng (gồm cả đất canh tác ngoài đồng và đất thuộc khu dân cư) sau khi giành một bộ phận đất hương khói cho các liệt sỹ ở địa phương tính đến thời điểm tháng 1/1993. Đất này giao cho thân nhân chịu trách nhiệm thờ cúng liệt sỹ với mức cấp đất kinh tế gia đình cho liệt sỹ năm 1988."

Năm 1993 ông K được giao đất canh tác theo chủ trương của Nhà nước, do có thân nhân là liệt sỹ nên ngoài diện tích ruộng được giao theo tiêu chuẩn, ông K được ưu tiên giao thêm 60m² cùng với đất canh tác khác. Thực tế "đất thờ cúng liệt sỹ" không được đo đạc riêng mà giao chung cùng diện tích đất 03. Ông K xác định ngoài việc "đất thờ cúng liệt sỹ" được ưu tiên đất loại I và miễn thuế thì không có gì khác so với đất 03 khác, gia đình ông cũng sử dụng đất này để canh tác.

Theo kết quả xác minh tại UBND xã Đ thì: Trước năm 1995 các hộ dân có được nhận chế độ thờ cúng liệt sỹ hay không thì UBND xã không rõ. Từ năm 1995 đến nay thì các hộ dân được hưởng chế độ thờ cúng liệt sỹ đầy đủ, cụ thể đối với hộ ông K được cấp thêm 500.000đ/năm tiền thờ cúng liệt sỹ cho đến khi ông K chuyển giao việc thờ cúng liệt sỹ cho người khác.

Như vậy việc giao 60m² đất ngoài tiêu chuẩn chỉ là chế độ ưu tiên cấp thêm đối với các thân nhân gia đình liệt sỹ, còn bản chất của "đất thờ cúng liệt sỹ" ông K được giao theo quyết định 721 là **đất nông nghiệp hay còn gọi là đất 03**.

[5] Về việc bồi thường đất thu hồi:

Ngày 22/01/2002 UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 168/QĐ-UB thu hồi đất để cho công ty S thuê, trong đó thu hồi diện tích 420m² ruộng canh tác của hộ ông K. UBND huyện G đã chỉ đạo lập phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của pháp luật và được UBND tỉnh Hải Dương phê duyệt. Sau đó, Hội đồng bồi thường và giải phóng mặt bằng huyện G đã chi trả và ông K

đã nhận đầy đủ tiền bồi thường, hỗ trợ theo đúng phương án được phê duyệt.

Ngày 05/8/2008, UBND tỉnh Hải Dương ban hành Quyết định số 2886/QĐ-UBND thu hồi diện tích đất Công ty S quản lý, sử dụng và cho Công ty cổ phần P thuê đất để đầu tư, xây dựng Khu công nghiệp Đ - L.

Ngày 03/01/2009 UBND tỉnh Hải Dương cùng các Sở, ban ngành có liên quan của tổ chức buổi làm việc với một số công dân thôn X, xã Đ. Tại buổi làm việc UBND tỉnh đã kết luận và chỉ đạo:

- Việc thu hồi đất và bàn giao đất cho Công ty cổ phần D từ năm 2005 đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Do vậy, không có cơ sở pháp lý để hỗ trợ thêm cho các hộ dân đã nhận tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao đất.

- Đồng ý dành một phần đất thuộc đất quy hoạch nhà ở và dịch vụ phục vụ cho Khu công nghiệp Đ - L để giao cho các hộ dân sử dụng lâu dài làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh dịch vụ phi nông nghiệp để giải quyết việc làm, ổn định đời sống cho nhân dân. Đối tượng được nhận là những hộ có đất canh tác thuộc phạm vi Khu công nghiệp Đ - L, bao gồm cả các hộ đã bàn giao đất cho Công ty cổ phần D. Diện tích đất dịch vụ được giao bằng 5% diện tích đất canh tác đã bàn giao.

Theo đó, hộ ông K đã được hưởng đầy đủ diện tích đất dịch vụ 5% theo đúng quy định của UBND tỉnh.

Căn cứ quy định tại điều 6 Nghị định 90/NĐ-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ thì: *"Người được Nhà nước giao đất sử dụng vào mục đích nào thì khi Nhà nước thu hồi đất được đền bù bằng cách giao đất có cùng mục đích sử dụng để thay thế hoặc đền bù bằng tiền theo giá đất cùng mục đích sử dụng. Trường hợp Nhà nước không thể đền bù bằng cách giao đất thay thế hoặc người bị thu hồi đất không yêu cầu đền bù bằng đất thì đền bù bằng tiền theo giá đất cùng hạng hoặc cùng loại của đất bị thu hồi. Giá đất để tính đền bù thiệt hại do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) ban hành theo khung giá đất do Chính phủ quy định."*

Diện tích đất 60m² "đất thờ cúng liệt sỹ" của ông K bị thu hồi như đã phân tích là đất nông nghiệp. Nhà nước đã lập phương án bồi thường theo giá đất nông nghiệp là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra các hộ dân bị thu hồi đất còn được hưởng thêm đất dịch vụ 5%, đảm bảo cho việc ổn định cuộc sống của người dân.

[6] Theo quy định của pháp luật thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước do Nhà nước thống nhất quản lý, không thuộc sở hữu của cá nhân. Cá nhân chỉ có quyền sử dụng đất khi được Nhà nước giao đất.

Điều 27 Luật Đất đai 1993 đã quy định: *"Trong trường hợp thật cần thiết, Nhà nước thu hồi đất đang sử dụng của người sử dụng đất để sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh, lợi ích quốc gia, lợi ích công cộng thì người bị thu hồi đất được đền bù thiệt hại."*

Như vậy Nhà nước có quyền thu hồi đất vì lợi ích công cộng. Khi thu hồi đất, chính quyền địa phương đã lập phương án bồi thường, hỗ trợ đúng quy định đối với ông K và ông K đã nhận đủ. Do đó yêu cầu của ông K về việc hủy quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu, buộc UBND huyện G bồi thường 60m² "đất thờ cúng liệt sỹ" theo giá đất ở hoặc trả lại đất là không có căn cứ. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị áp dụng Luật Đất đai 2013 để giải quyết vụ án trong khi việc thu đất của ông K từ năm 2002 nên không phù hợp và không có căn cứ chấp nhận.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông K.

[6] Về án phí: Do không chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên ông K phải chịu án phí hành chính sơ thẩm nhưng được miễn vì là người cao tuổi.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, khoản 1 Điều 115, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 204, khoản 1 Điều 206, Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính 2015;

Căn cứ Quyết định số 721/QĐ-UBND ngày 17/9/1992 của UBND tỉnh Hải Hưng; Quyết định 235/QĐ-UBND ngày 25/9/1993 của UBND tỉnh Hải Hưng; Hướng dẫn số 31 ngày 25/02/1993 của Sở Nông nghiệp; Luật Đất đai 1993; Nghị định 90/NĐ-CP ngày 17/8/1994 của Chính phủ; Điều 5, Điều 9, Điều 18, Điều 27, Điều 28, Điều 29, Điều 30, Điều 31 Luật Khiếu nại 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại; Điều 2 Luật người cao tuổi 2009;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Đức K về việc hủy Quyết định số 4000/QĐ-UBND ngày 30/10/2018 của Chủ tịch UBND huyện G;

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Đức K về việc buộc UBND huyện G trả lại 60m² đất thờ cúng liệt sỹ đã thu hồi hoặc bồi thường cho ông K 60m² đất đã thu hồi theo giá 7.000.000đ/m² hoặc giá thị trường đối với loại đất ở.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính sơ thẩm cho ông Lương Đức K.

3. Án xử sơ thẩm công khai, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt

có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- L hồ sơ, L Tòa.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Bùi Đăng Huy